

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/DS-ST

Ngày 02-4-2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lộc Thị Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hòa.

2. Bà Nguyễn Thị Thuận.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:** Ông Lục Văn Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 02/4/2024 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 186/2023/TLST – DS ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST – DS ngày 06/3/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1948.

Trú tại: Tổ 03, khối 02, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Bon U3, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm: 1983.

Trú tại: Tổ dân phố 02, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 07/11/2023; bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Vào ngày 28/02/2023, do có mối quan hệ quen biết nên ông Đỗ Văn H có cho bà Phạm Thị Kim T vay số tiền 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng); khi vay bà T viết Giấy vay tiền, hạn đến cuối tháng 6/2023 sẽ trả; thỏa thuận lãi 1,66%/tháng nhưng không ghi vào giấy vay tiền, chỉ ghi có lãi. Đến hạn trả nợ, ông H có đòi nhiều lần, đến ngày 25/9/2023 ông H đã Thông báo trả nợ gửi cho bà T nhưng bà T vẫn không trả tiền. Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị Kim T phải trả số tiền 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng) nợ

gốc và lãi tính từ ngày 29/02/2023 với lãi suất 1,66%/tháng đến khi giải quyết xong vụ án sơ thẩm và tiếp tục tính lãi suất chậm trả cho đến khi thi hành xong nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền yêu cầu bà T phải trả ông H tổng số tiền: 43.468.800 đồng (Bốn mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm đồng), trong đó: 39.000.000 đồng tiền gốc và 4.468.800 đồng tiền lãi.

Cách tính lãi như sau: Áp dụng mức lãi suất 1,66%/tháng, thời gian tính lãi từ 19/02/2023 đến thời điểm xét xử 02/4/2024 là: 13 tháng 14 ngày, đại diện theo ủy quyền cho số tháng, ngày lẻ không tính lãi, chỉ yêu cầu làm tròn xuống thành 12 tháng để tính lãi, thành tiền lãi cụ thể: $39.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 12 \text{ tháng} = 7.768.800 \text{ đồng}$; Đề nghị Hội đồng xét xử trừ đi 3.300.000đ (Ba triệu, ba trăm nghìn đồng) tiền lãi mà bà T đã trả; như vậy số tiền lãi mà bà T còn phải trả cho ông H tính đến thời điểm xét xử là 4.468.800đ (Bốn triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm đồng).

Nguyên đơn ông Đỗ Văn H trình bày tại phiên tòa: Không thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện cũng như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của mình: yêu cầu bà T phải trả tổng số tiền: 43.468.800 đồng (Bốn mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm đồng), trong đó: 39.000.000 đồng tiền gốc và 4.468.800 đồng tiền lãi. Ông thừa nhận có được nhận 3.300.000 đồng (Ba triệu, ba trăm nghìn đồng) tiền lãi từ bà T và đồng ý trừ số tiền này vào tiền lãi như cách tính lãi của đại diện theo ủy quyền.

Bị đơn bà Phạm Thị Kim T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cư Jút đã nhiều lần gửi, giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do nên vụ án không hòa giải được.

Tại phiên tòa bà T thừa nhận: Ngày 28/02/2023 bà có vay của ông Đỗ Văn H số tiền 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng); khi vay bà T viết Giấy vay tiền, hạn đến cuối tháng 6/2023 sẽ trả; thỏa thuận lãi 2.000đ/triệu/ngày nhưng không ghi vào giấy vay tiền, chỉ ghi có lãi. Bà T đã xin ông H và được ông H cho không tính lãi và bà T trả được 4.000.000 đồng tiền gốc cho ông H nhưng khi trả không có viết giấy nhận tiền, không có ai làm chứng. Nguyên vọng bà T trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ gốc còn lại, số tiền lãi bà T xin không phải trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình, bị đơn bà Phạm Thị Kim T không chấp hành vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa nên vụ án không thể tiến

hành hòa giải được, vụ án được đưa ra xét xử công khai là phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, bà Phạm Thị Kim T phải trả cho ông Đỗ Văn H số tiền 43.468.800 đồng (Bốn mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm đồng), trong đó: 39.000.000 đồng tiền gốc và 4.468.800 đồng tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Đỗ Văn H khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Kim T có địa chỉ: Tổ 03, khối 02, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông nay là Tổ dân phố 02, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông trả số tiền 39.000.000đ (Ba mươi chín triệu đồng) nợ gốc và lãi tính từ ngày 29/02/2023 với lãi suất 1,66%/tháng đến khi giải quyết xong vụ án sơ thẩm và tiếp tục tính lãi suất chậm trả cho đến khi thi hành xong nghĩa vụ trả nợ mà bà T đã vay của ông H. Vì vậy, quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hạn giải quyết vụ án: Vụ án được thụ lý ngày 15/11/2023, ngày 06/3/2024 vụ án được đưa ra xét xử công khai, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án được giải quyết trong hạn luật định.

[2] Về nội dung: Xét Hợp đồng vay tài sản giữa ông Đỗ Văn H và bà Phạm Thị Kim T là hoàn toàn có thật, điều đó được thể hiện qua Giấy mượn tiền ngày 20/01/2023 mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ bản gốc có chữ ký của bà Phạm Thị Kim T, bà T đã thừa nhận có viết giấy vay và ký vào bên vay, đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nội dung trong Giấy mượn tiền giữa ông Đỗ Văn H và bà Phạm Thị Kim T cụ thể như sau: ông Đỗ Văn H cho bà T vay số tiền số tiền 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng), hạn đến cuối tháng 6/2023 sẽ trả; có thỏa thuận lãi nhưng không ghi vào giấy vay tiền, chỉ ghi có lãi.

Xét nội dung của hợp đồng: Thỏa thuận giữa ông H và bà T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định của pháp luật. HĐXX xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại Điều 463 của Bộ luật dân sự quy định:

“Điều 463. *Hợp đồng vay tài sản:*

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên vay tài sản

cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định:

“Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Đến thời hạn trả nợ nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà T đã vi phạm thời hạn trả nợ.

Tại khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự quy định:

“Điều 470. Thực hiện hợp đồng vay có kỳ hạn

1. Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý, còn bên cho vay chỉ được đòi lại tài sản trước kỳ hạn, nếu được bên vay đồng ý.

2. Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản trước kỳ hạn, nhưng phải trả toàn bộ lãi theo kỳ hạn, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.”

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Áp dụng mức lãi suất 1,66%/tháng, thời gian tính lãi từ 19/02/2023 đến thời điểm xét xử 02/4/2024 là: 13 tháng 14 ngày, đại diện theo ủy quyền chỉ yêu cầu làm tròn 12 tháng để tính lãi, thành tiền: 39.000.000 đồng x 1,66% x 12 tháng = 7.768.800 đồng. Xét: mức lãi suất, và yêu cầu làm tròn thời gian tính lãi (giảm tháng xuống) là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự, HĐXX cần chấp nhận.

Xét: Đề nghị HĐXX trừ đi 3.300.000đ (Ba triệu, ba trăm nghìn đồng) tiền lãi ông H đã nhận là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, HĐXX chấp nhận.

Bà Phạm Thị Kim T cho rằng bà đã trả cho ông H được 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) tiền gốc nhưng không có bất cứ tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận.

Tới thời điểm xét xử, bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX xét thấy: Yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H là có cơ sở: buộc bà Phạm Thị Kim T phải trả cho ông Đỗ Văn H số tiền 43.468.800 đồng (Bốn mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm đồng), trong đó: 39.000.000 đồng tiền gốc và 4.468.800 đồng tiền lãi.

[3]. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 43.468.800 đ là: 43.468.800 đ x 5% = 2.173.000đ (Hai triệu, một trăm bảy mươi ba

ngàn đồng). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm.

Ông Đỗ Văn H thuộc đối tượng được miễn nộp tạm ứng án phí nên HĐXX không cần đề cập giải quyết về tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 235; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H.

1. Buộc bà Phạm Thị Kim T phải trả cho ông Đỗ Văn H số tiền 43.468.800 đồng (Bốn mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm đồng), trong đó: 39.000.000 đồng tiền gốc và 4.468.800 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà bà Phạm Thị Kim T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, ông Đỗ Văn H có quyền yêu cầu thi hành án. Từ khi có đơn yêu cầu thi hành án thì áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

2. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị Kim T phải nộp 2.173.000đ (Hai triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện Cư Jút;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lộc Thị Vinh

